

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-3-2022

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Nghĩa.

Ông Nguyễn Minh Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Đô – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Tuyết C, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Dương Minh L, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Tuyết C trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Dương Minh L tự nguyện chung sống năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng

không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc. Nay cảm thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Dương Minh L.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1992, Dương Thị Huyền T, sinh năm 1999 và Dương Chí H1, sinh năm 2010. Sau khi ly hôn con chung tên Nguyễn Chí H1 có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng con tên Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1992, Dương Thị Huyền T, sinh năm 1999 đã trưởng thành và có khả năng lao động bà không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Dương Minh L trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Tuyết C tự nguyện chung sống năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà C yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1992, Dương Thị Huyền T, sinh năm 1999 và Dương Chí H1, sinh năm 2010. Sau khi ly hôn, ông đồng ý giao con tên Nguyễn Chí H1 theo nguyện vọng của con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng con tên Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1992, Dương Thị Huyền T, sinh năm 1999 đã trưởng thành và có khả năng lao động ông không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về tuân thủ pháp luật: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Tuyết C với ông Dương Minh L.

+ Về con chung: Giao con chung tên Dương Chí H1, sinh năm 2010 cho bà C trực tiếp nuôi.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Lê Tuyết C không yêu cầu, không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Tuyết C và ông Dương Minh L không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Tuyết C khởi kiện xin ly hôn với ông Dương Minh L, địa chỉ cư trú: Ấp Dinh Cũ, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Tuyết C tự nguyện chung sống năm 1990 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa bà C và ông L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Tại phiên tòa, bà C yêu cầu ly hôn với ông L, ông L cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà Lê Tuyết C và ông Dương Minh L có 03 người con chung tên Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1992, Dương Thị Huyền T, sinh năm 1999 và Dương Chí H1, sinh năm 2010. Tại phiên tòa, bà C yêu cầu được nuôi con chung tên Dương Chí H1, ông L thống nhất giao cho bà C trực tiếp nuôi. Đối với con chung tên Dương Chí H1 đã trên 07 tuổi, theo quy định pháp luật phải có nguyện vọng được sống cùng với bà C hoặc ông L. Tuy nhiên, Tòa án đã cử cán bộ đến nhà để ghi ý kiến của cháu H1 nhưng cháu H1 không trình bày nguyện vọng để Tòa án xem xét. Mặt khác, cháu H1 hiện nay đang sống cùng với bà C nên thỏa thuận giữa bà C và ông L là phù hợp với quy định pháp luật, cũng nhằm tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho con chung nên được ghi nhận. Do đó, tiếp tục giao con chung tên Dương Chí H1, sinh năm 2010 cho bà C trực tiếp nuôi.

Đối với 02 người con chung tên Dương Thị Ngọc H1, sinh năm 1992, Dương Thị Huyền T, sinh năm 1999. Bà C và ông L xác định đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu.

Ông Dương Minh L không trực tiếp nuôi con chung có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này nhưng ông L không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của bà Lê Tuyết C.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Lê Tuyết C yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Tuyết C phải chịu 300.000 đồng. Ngày 19 tháng 10 năm 2021, bà C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền

300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019803 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền được chuyển thu.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ bà Lê Tuyết C, ông Dương Minh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Bà Lê Tuyết C và ông Dương Minh L thuận tình ly hôn (bà C và ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 163/2018 ngày 09/12/2018).

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Dương Chí H1, sinh năm 2010 cho bà C trực tiếp nuôi.

Ông Dương Minh L không trực tiếp nuôi con chung có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này nhưng ông L không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của bà Lê Tuyết C.

Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Tuyết C phải chịu 300.000 đồng. Ngày 19 tháng 10 năm 2021, bà C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019803 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền được chuyển thu.

Bản án sơ bà Lê Tuyết C, ông Dương Minh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện Ngọc Hiến;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi